

Bản án số: 28/2025/KDTM-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thảo;
- Ông Tống Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 71/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng B; trụ sở: số 210 đường T, phường Tràng Tiền, Quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường H, Thành phố Hà Nội); Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984 và ông Đinh Hữu Hoài H, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: số 227, Đại lộ Bình Dương, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/7/2025); ông H có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty G; địa chỉ: Thửa số 666, tờ bản đồ 19, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị M; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: số 90/17 Dương Văn D, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 132/7 Dương Văn D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); ông T có mặt; bà L có yêu cầu vắng mặt.

+ Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1973 và bà Phan Ngọc N, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: số nhà 44/12 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); ông H có mặt; bà N có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/5/2022, Ngân hàng B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã cho Công ty G vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 540202200130. Theo hợp đồng và 09 đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 540202200130.11 ngày 13/02/2023; số 540202200130.12 ngày 15/02/2023; số 540202200130.13 ngày 16/02/2023; số 540202200130.14 ngày 17/02/2023; số 540202200130.15 ngày 20/02/2023; số 540202200130.16 ngày 24/02/2023; số 540202200130.17 ngày 28/02/2023; số 540202200130.18 ngày 17/3/2023; 540202200130.19 ngày 11/4/2023 thì Ngân hàng đồng ý cho Công ty G vay số tiền hạn mức cho vay 25.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay 12 tháng tính từ ngày 19/5/2022 đến ngày 18/5/2023; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh hợp pháp của Công ty; lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,65%/năm, áp dụng trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất áp dụng theo công thức xác định lãi suất cho vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay; lãi suất trên số tiền lãi chậm trả 10%/năm; trả nợ gốc, lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo cho số tiền vay của Công ty G, vợ chồng ông Bùi Văn T, bà Trần Thị Bích L ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 540202100051 ngày 17/3/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 540202100051 ngày 19/5/2022; tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 144m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4 tại số 25 Đỗ Xuân Hợp, phường Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất căn nhà cấp 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH04499 do UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/7/2017 cập nhật biến động ngày 14/9/2017, 17/4/2018, ngày 11/6/2018;

Ông Hoàng Xuân H, bà Phan Ngọc N ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 540202300040 ngày 15/3/2023; tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 154m² thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 202 tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS15417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2019, cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Hoàng Xuân H ngày 06/4/2021.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty G số tiền 21.156.700.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay 11.65%/năm.

Sau khi vay tiền Công ty G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần mời làm việc nhưng bị đơn không có thiện chí thanh toán nợ. Do đó, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu những vấn đề sau: Buộc Công ty G phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản vay hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD540202200130 ngày 19/5/2022 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/9/2023 là: 22.583.453.195 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm tám mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: tiền gốc: 21.156.700.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 891.280.370 đồng; lãi quá hạn: 207.844.716 đồng; vay hạn mức thẻ tín dụng loại thẻ JCB, mã thẻ 100005013013 đến ngày 07/9/2023 là 327.628.109 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn một trăm lẻ chín đồng).

Trong thời gian chưa thanh toán tiền vay, Công ty G phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay. Ngay sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty G không thanh toán tiền vay hoặc chỉ thanh toán được một phần khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thực hiện các nghĩa vụ của Công ty G tại Ngân hàng thì Công ty phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 03/01/2025, ông T và bà L đã nộp số tiền 19.000.000.0000 đồng cho Ngân hàng (trong đó 18.980.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng chi phí tố tụng) và đề nghị thu khoản nợ vay của Công ty để giải chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 04 nêu trên; cùng ngày Ngân hàng đã hạch toán, thu nợ của Công ty và đã giải chấp, hoàn trả lại tài sản thế chấp cho ông T, bà L. Do đó, Ngân hàng đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 18.980.000.000 đồng; ông T và bà L không còn nghĩa vụ liên quan nữa.

Đối với khoản nợ thẻ tín dụng loại thẻ JCB, ngày 05/6/2025, Ngân hàng đã thu nợ số tiền gốc 300.000.000 đồng, ngày 06/6/2025 thu 129.032.141 đồng nợ lãi khoản vay thẻ tín dụng trong tài khoản của Công ty.

Như vậy, tính đến ngày 14/8/2025, Công ty G còn nợ Ngân hàng như sau: nợ gốc 2.176.699.833 đồng; lãi trong hạn 0 đồng; lãi quá hạn: 7.117.070.440 đồng; lãi chậm trả 186.893.115 đồng; nợ thẻ tín dụng 124.410.741 đồng tiền nợ lãi và tiền phí. Tổng cộng: 9.605.074.129 đồng (chín tỷ sáu trăm lẻ năm triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi chín đồng).

Ngân hàng yêu cầu Công ty G trả số tiền nợ nêu trên, trường hợp không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS15417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2019, cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Hoàng Xuân H ngày 06/4/2021.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty G theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Bích L thống nhất trình bày: Ông T và bà L là chủ sử dụng đối với quyền sử dụng đất diện tích 144m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4 tại số 25 Đỗ Xuân Hợp, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất căn nhà cấp 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH04499 do UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/7/2017 cập nhật biến động ngày 14/9/2017, 17/4/2018, ngày 11/6/2018 để đảm bảo tiền vay cho Công ty. Tuy nhiên, sau khi vay Công ty không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Công ty trả lại số tiền gốc và tiền lãi. Ngày 03/01/2025, ông T và bà L đã nộp số tiền 19.000.000.000 đồng cho Ngân hàng (trong đó 18.980.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng chi phí tố tụng); Ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp cho chúng tôi nên ông T và bà L không có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân H và bà Phan Thị Ngọc N thống nhất trình bày: Năm 2023, vợ chồng ông H, bà N và Công ty G có làm ăn với nhau nên có bảo lãnh cho Công ty vay tiền của Ngân hàng bằng cách thế chấp thửa đất số 77, tờ bản đồ số 202 tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS15417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2019, cập nhật thay đổi ngày 06/4/2021 để cho Công ty G vay số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Công ty đã nhận tiền để hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, nay Công ty G làm ăn khó khăn không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Ông H, bà N hiện nay cũng rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi khi tiến hành phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ. Về chi phí xem xét, thẩm định số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), ông Hải, bà N chịu.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty G thanh toán tổng số tiền 9.480.663.388 đồng theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ; trường hợp Công ty G không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 202 tại khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS15417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2019, cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Hoàng Xuân H ngày 06/4/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 540202300040 ngày 15/3/2023, được công chứng tại Văn phòng công chứng Tân Uyên được xử lý theo quy định tại Điều 299 và

Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015; yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi, phí của thẻ tín dụng JCB số tiền 124.410.741 đồng.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như đối đáp và tranh luận.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 9.480.663.388 đồng (nợ gốc 2.176.699.833 đồng; lãi trong hạn 0 đồng; lãi quá hạn: 7.117.070.440 đồng); không chấp nhận đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả 186.893.115 đồng và tiền lãi vay thẻ tín dụng số tiền 124.410.741 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng, xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn Công ty G đều vắng mặt. Xét thấy, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích L, bà Phan Ngọc N có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 18.980.000.000 đồng tiền gốc và rút yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 144m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4 tại số 25 Đỗ Xuân Hợp, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất căn nhà cấp 4 theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH04499 do UBND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/7/2017 cập nhật biến động ngày 14/9/2017, 17/4/2018, ngày 11/6/2018, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tín, bà Loan; nguyên đơn rút yêu cầu đòi với việc yêu cầu bị đơn Công ty G thanh toán số tiền gốc 300.000.000 đồng và số tiền lãi 129.032.141 đồng của thẻ tín dụng JCB nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 9.480.663.388 đồng; trong đó: nợ gốc 2.176.699.833 đồng; lãi trong hạn 0 đồng; lãi quá hạn: 7.117.070.440 đồng; lãi chậm trả 186.893.115 đồng; nợ thẻ tín dụng 124.410.741 đồng tiền nợ lãi và tiền phí và buộc bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết tất cả mọi khoản nợ. Trường hợp Công ty G không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 202 tại khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS15417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2019, cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Hoàng Xuân H ngày 06/4/2021. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 540202200130 ngày 19/5/2022 được ký kết giữa Ngân hàng với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, bị đơn vay của Ngân hàng số tiền 21.156.700.000 đồng. Ngày 03/01/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T, bà L đã thanh toán số tiền gốc là 18.980.000.000 đồng; số tiền nợ gốc còn lại là 2.176.699.833 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng thu hồi nợ đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán 2.176.699.833 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt, cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 2.176.699.833 đồng có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Theo khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 540202300040 ngày 15/3/2023 “*Bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện và/hoặc thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, chi phí, bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác theo các hợp đồng cho vay, bảo lãnh, chiết khấu...*”; Hợp đồng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái đạo

đức xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo lãnh. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, người ký hợp đồng thế chấp là ông H, bà N đã thừa nhận các nội dung trong hợp đồng thế chấp đã ký kết, ký kết tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp Công ty không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thuộc sở hữu của ông H, bà N để thu hồi nợ.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán các khoản lãi: Đối với khoản tiền lãi mà Ngân hàng tính đến ngày 15/8/2025 là 7.117.070.440 đồng (lãi trong hạn là 0 đồng và lãi quá hạn là 7.117.070.440 đồng), do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 16/08/2023 và buộc bị đơn phải trả lãi trong hạn theo Hợp đồng tín dụng; nợ lãi quá hạn là 150%/năm của lãi suất quá hạn (10%). Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông H, bà N phải liên đới trả là phù hợp với Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 540202200130 ngày 19/5/2022 quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 15/8/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 540202200130 ngày 19/5/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông H, bà N để thu hồi nợ.

Đối với lãi phạt chậm trả số tiền 186.893.115 đồng. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cho hợp đồng tín dụng; lãi suất phạt quá hạn ở đây được hiểu là lãi quá hạn. Ngoài ra, không có quy định nào kể cả trong Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép tổ chức tín dụng phạt nhiều lần về cùng một vi phạm trong hợp đồng tín dụng. Vì nếu cho phép phạt nhiều lần thì quy định phạt lãi do quá hạn không được vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay nói trên đã bị vô hiệu hoá. Do đó, đây là lãi chồng lãi. Từ đó, nội dung thỏa thuận lãi suất trên số tiền lãi chậm trả 10%/năm của các bên thỏa thuận là không phù hợp theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, thỏa thuận của các bên tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nêu trên về số tiền lãi phạt chậm thanh toán số tiền lãi chậm trả 186.893.115 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với khoản nợ lãi vay thẻ tín dụng số tiền 124.410.741 đồng tiền nợ lãi và tiền phí. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu nguyên đơn giao nộp chứng cứ về việc nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền gốc 300.000.000 đồng theo thẻ tín dụng JCB, chứng cứ bị đơn sử dụng, sao kê quá trình sử dụng thẻ đối với số tiền 300.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không cung cấp cho Tòa án. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi, phí là 124.410.741 đồng trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận; nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí trên phần được chấp nhận theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 117, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B đối với bị đơn Công ty G về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 18.980.000.000 đồng (mười tám tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng); thanh toán số tiền gốc 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) của thẻ tín dụng JCB ngày 05/4/2021 và tiền lãi của thẻ tín dụng số tiền 129.032.141 đồng (một trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi một đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B đối với bị đơn Công ty G về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả là 186.893.115 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm chín mươi ba nghìn một trăm mười lăm đồng) và số tiền nợ lãi, phí của thẻ tín dụng JCB số tiền 124.410.741 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B đối với bị đơn Công ty G về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bị đơn Công ty G phải trả tiền vay cho Ngân hàng B số tiền 9.480.663.388 đồng (chín tỷ bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm tám mươi tám đồng); trong đó: nợ gốc 2.176.699.833 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba đồng); lãi trong hạn 0 đồng; lãi quá hạn: 7.117.070.440 đồng (bảy tỷ một trăm mười bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày 15/8/2025, Công ty G phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền vay của Ngân hàng B theo Hợp đồng tín dụng số 540202200130 ngày 19/5/2022 và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Trường hợp Công ty G không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp

đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 540202300040 ngày 15/3/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS15417 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/01/2019, cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Hoàng Xuân H ngày 06/4/2021.

4. Về chi phí tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Xuân H, bà Phan Ngọc N phải chịu số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng B.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty G phải chịu số tiền 58.740.332 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng B phải chịu số tiền số 15.565.193 đồng (mười lăm triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm chín mươi ba đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 65.292.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001307 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh); trả lại cho Ngân hàng B số tiền 49.726.807 đồng (bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm lẻ bảy đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lài

